**MỤC LỤC**

[1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN. 1](#_Toc156030640)

[1.1. Thông tin chung về Dự án. 1](#_Toc156030641)

[1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 2](#_Toc156030642)

[1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan 2](#_Toc156030643)

[2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG. 3](#_Toc156030644)

[2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM: 3](#_Toc156030645)

[2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 10](#_Toc156030646)

[2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 11](#_Toc156030647)

[3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM 11](#_Toc156030648)

[4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 11](#_Toc156030649)

[5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM 12](#_Toc156030650)

[5.1. Thông tin về dự án: 12](#_Toc156030651)

[*5.1.1. Thông tin chung* 12](#_Toc156030652)

[*5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất* 13](#_Toc156030653)

[*5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án* 14](#_Toc156030654)

[5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường. 21](#_Toc156030655)

[5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án. 23](#_Toc156030656)

[*5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án* 23](#_Toc156030657)

[*5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án* 24](#_Toc156030658)

[5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án: 25](#_Toc156030659)

[5*.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải* 25](#_Toc156030660)

[*5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH* 25](#_Toc156030661)

[*5.4.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác* 26](#_Toc156030662)

[5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: 28](#_Toc156030663)

[KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 30](#_Toc156030664)

[1. Kết luận. 30](#_Toc156030665)

[2. Kiến nghị. 30](#_Toc156030666)

[3. Cam kết của chủ dự án đầu tư 30](#_Toc156030667)

# 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

## **1.1. Thông tin chung về Dự án.**

Xã Nam Tiến là xã nằm ở phía Đông Nam huyện Nam Trực. Phía bắc giáp xã Bình Minh, phía đông giáp xã Xã Nam Tiến, phía nam giáp xã Nam Hải, Nam Thái, phía Tây giáp xã Đồng Sơn

Theo địa hình dân cư được chia thành các thôn, Lạc Chính, Nam Trực, Đồng Quỹ, Đạo quỹ, Thạch Cầu, Phú Nông, An Nông, Cổ Giả.

Xã Nam Tiến có vị trí giao thông tương đối thuận lợi. Nằm cách [thị trấn Nam Giang](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BB%8B_tr%E1%BA%A5n_Nam_Giang&action=edit&redlink=1) khoảng 7 km. Cách [thị trấn Cổ Lễ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BB%8B_tr%E1%BA%A5n_C%E1%BB%95_L%E1%BB%85&action=edit&redlink=1) khoảng 5 km theo trục [Tỉnh lộ ĐT 487](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%89nh_l%E1%BB%99_%C4%90T_487&action=edit&redlink=1) và [Tỉnh lộ ĐT 488](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%89nh_l%E1%BB%99_%C4%90T_487&action=edit&redlink=1) chạy qua. Các tuyến đường này kềt nối xã với các địa phương lân cận, đặc biệt là các khu vực phát triển của huyện như thị trấn Nam Giang… Đây cũng là một thuận lợi cho sự giao lưu và phát triển kinh tế xã hội của xã. Với điều kiện thuận lợi về phát triển kinh tế như trên việc nhu cầu về nhà ở của người dân trong xã là hết sưc cần thiết nhằm nâng cao đời sống khu dân cư góp phần phát triển bền vững, hài hòa và thực sự là vùng quê đáng sống.

Khu đất xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến huyện Nam Trực nằm tại thôn Cổ Giả phía Bắc giáp với đường Tỉnh Lộ ĐT 487 mặt chính của khu dân cư, phía Đông giáp với khu dân cư Nam Tiến, phía Tây giáp với trường THPT Nguyễn Du, đây là vị trí rất thuận lợi về giao thông và phát triển kinh tế khi thực hiện dự án.

Việc đầu tư xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực để giải quyết về quỹ đất cho người dân sinh sống, tạo nên một khu dân cư hoàn chỉnh về kềt cấu hạ tầng, văn minh hiện đại.., khi dự án được hình thành, nhu cầu nhân dân đến sinh sống và làm việc tại đây sẽ tăng cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng đất làm nhà ở theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ và vệ sinh môi trường là rất lớn. Bên cạnh đó, dự báo tỷ lệ tăng dân số tự nhiên trong những năm tiếp theo của xã Nam Tiến là khá cao, nhu cầu về đất ở của nhân dân tại địa phương vì thế cũng rất lớn. Do đó việc xây dựng đầu tư xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực là hết sức cần thiết và phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay.

Để giải quyết hạn chế trên thì việc đầu tư xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực là hết sức cần thiết. Công trình hình thành phù hợp với Quy hoạch được duyệt và đảm bảo phát triển về nhà ở với các kềt cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng văn minh, hiện đại.

Để giải quyết hạn chế trên cùng với việc đảm bảo phát triển về nhà ở với các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng văn minh, hiện đại ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Nam Định đã có nghị quyết số 166/HĐND về việc quyết định chủ chương đầu tư xây dựng dự án khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, Nam Tiến, huyện Nam Trực

Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 2,5 ha, quy mô dân số dự kiến khoảng 492 người. Các hạng mục đầu tư: San nền, hệ thống giao thông, vỉa hè, bó vỉa, đan rãnh, khuôn viên cây xanh, hệ thống đảm bảo giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điện,... được thiết kế đồng bộ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm đ khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và mục số 6 cột 3 phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Dự án có diện tích khoảng 2,1 ha là diện tích đất trồng lúa 02 vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt.

## **1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư**

Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

## **1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan**

Dự án được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Quyết định số 1584/QĐ-UBND ngày 27/07/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoan 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 2831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 13/05/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

Như vậy, dự án được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định cũng như của huyện Nam Trực.

# 2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

**2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM:**

***\* Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường,

- Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND tỉnh Nam Định về việc Ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Nam Định.

***\* Về lĩnh vực tài nguyên nước.***

- Luật tài nguyên nước 2012;

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020;

- Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ”.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đất đai.***

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai;

 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 06/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Thông tư 10/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 19/2023/ QĐ-UBND ngày 21/07/2023 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 11/07/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Nam Định

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/09/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình

- Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

***\* Về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy***

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

***\* Về lĩnh vực điện:***

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 3/12/2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

***\* Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai.***

- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

- Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thôn và hạ tầng kỹ thuật khác;

- Nghị Quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền phê duyêt đề án cho thuê quyền khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 8/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định và các quy đinh pháp lý liên quan.

\* ***Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động***

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;

- Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

***\* Các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo.***

*- Tiêu chuẩn thiết kế:*

 + TCVN 2737:1995 : Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;

+ TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài;

+ TCVN 5575-1991: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573:2011 – Kết cấu gạch đá và gạch cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế

 + QCXDVN 07:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ QCVN 5574:2018 – Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

+ QCVN 41:2019/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

+ QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng;

 + TCCS 41/2022 Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.

+ TCVN 7957:2023 tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế;

+ TCXD 33:2006 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế

*- Quy chuẩn về môi trường:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất .

### **2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án**

- Thông báo số 266-TB/TU của UBND tỉnh Nam Định ngày 30/09/2022 thông báo về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực;

- Nghị quyết số 116/NĐ-HĐND của HĐND tỉnh Nam Định ngày 09/12/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực;

- Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 33/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực.

### **2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường**

- Thuyết minh dự án Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực.

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực.

# 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

**- Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM**

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

# 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

 *Các phương pháp ĐTM:* Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (Áp dụng tại chương I của báo cáo): Sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá chất lượng môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn /quy chuẩn môi trường liên quan.

- Phương pháp nhận dạng (Áp dụng tại chương II của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp đánh giá nhanh (Áp dụng tại chương III của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương II của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

- Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương II, III của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tiến hành tham vấn, họp với lãnh đạo UBND xã nhằm thu thập thông tin kinh tế xã hội, vệ sinh môi trường khu vực dự án phục vụ cho báo cáo ĐTM tại mục 2.2. điều kiện kinh tế - xã hội tại Chương II và Chương V của báo cáo.

# 5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

## **5.1. Thông tin về dự án:**

### ***5.1.1. Thông tin chung***

- Tên dự án: “Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực”.

- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Nam Trực.

- Người đại diện: Ông Lưu Quang Tuyển; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

- Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực.

- Người đại diện theo pháp luật của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực:

Ông Lê Tuấn Hoàn; Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

### ***5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất***

Dự án “Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực” với diện tích 2,5 ha, nằm ở trung tâm xã Nam Tiến, với các vị trí tiếp giáp như sau:

 - Phía Đông giáp: Khu dân cư thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến;

 - Phía Tây giáp: Ruộng lúa thôn Cổ giả, xã Nam Tiến;

 - Phía Nam giáp: Ruộng lúa thôn cổ giả, xã Nam Tiến;

 - Phía Bắc giáp: Tỉnh lộ 487 và khu dân cư thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến.

***\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án:***

- Khu vực xây dựng hiện trạng là đất ruộng, bờ đất giao thông và mương tưới tiêu nước vì vậy trước khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho điểm dân cư cần phải thực hiện công tác san lấp mặt bằng.

- Hiện trạng xây dựng tổng hợp khu dân cư (dân số, sử dụng đất đai, công trình hạ tầng xã hội, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật).

+ Tại khu vực lập quy hoạch hiện tại là đồng lúa và bờ đất giao thông và mương tưới tiêu nước. Vị trí khu đất tiếp giáp với điểm dân cư tập trung đã đấu giá.

+ Tại khu vực quy hoạch điểm dân cư là cánh đồng lúa, hạ tầng chủ yếu là kênh mương, giao thông hiện trạng có một mặt tiếp giáp với trục đường LT487, có bề rộng mặt đường, Bm = 8m.

***\* Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:***

Dự án tiếp giáp khu dân cư thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến về phía Đông và Tỉnh lộ 487 về phía Bắc.

***\* Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án***

*(1). Mục tiêu của dự án.*

- Tạo quỹ đất để đáp ứng nhu cầu về đất cho nhân dân trong và ngoài xã.

- Tạo không gian kiến trúc cho khu dân cư khang trang, có cơ sở hạ tầng kĩ thuật tốt, đảm bảo cho cuộc sống của các hộ đến nơi ở mới thuận tiện hơn, tạo tiền đề cho việc phát triển các điểm dân cư khác của xã.

 *(2). Quy mô dự án:*

Đầu tư xây dựng khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định với diện tích 2,5 ha, bao gồm các hạng mục công trình như sau:

- San lấp mặt bằng;

- Đường giao thông nội bộ;

- Hệ thống thoát nước mưa;

- Hệ thống thoát nước thải;

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt + Phòng cháy chữa cháy;

- Khuôn viên cảnh quan cây xanh;

- Bể xử lý nước thải;

- Xây dựng các trạm biến áp và cấp điện sinh hoạt;

- Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông.

*(3). Loại hình dự án: Dự án thuộc nhóm C (Thuộc loại hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật).*

### ***5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án***

***A. Các hạng mục công trình:***

 - Toàn bộ khu đất được phân ra chức năng sử dụng đất, bao gồm: Đất ở chia lô nhà ở liền kề, đất biệt thự, đất cây xanh, đất giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật. Cụ thể:

+ Đất ở: Được xác định là chức năng chính trong điểm dân cư tập trung, tổng diện tích là 10.505 m2 được chia thành 123 lô đất ở, trong đó có 123 lô nhà ở liền kề.

+ Đất cây xanh: Khu đất cây xanh dự kiến được quy hoạch với tổng diện tích là 1.029,5 m2.

+ Đất hạ tầng kĩ thuật: Quy hoạch với diện tích là 1.409,5 m2.

+ Đất giao thông: Quy hoạch trục giao thông chính kềt nối với đường TL487, chiều dài 111 m với mặt cắt đường 15 m (3m+9m+3m), quy hoạch tuyến đường ngang giáp tuyến đường TL487 tại vị trí đi qua khu đất quy hoạch 173m với mặt cắt đường (3m +25m + L), quy hoạch các tuyến đường dọc còn lại trong khu đất chiều dài 173 m với mặt cắt đường 13m (3m+6m+3m) và mặt cắt đường 12 m (3m+6m+3m), quy hoạch các tuyến đường ngang còn lại trong khu đất chiều dài 122,5 m với mặt cắt đường 11 m (2m+6m+3m) và mặt cắt đường 11,6 m (3m+6m+2,6m).

Bảng 1: Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất ở (đất ở chia lô liên kề ) | 10.505 | 42,97 |
| 2 | Đất cây xanh | 1.029,5 | 4,21 |
| 3 | Đất hạ tầng kỹ thuật | 1.409,5 | 5,77 |
| 4 | Đất giao thông | 11.504,4 | 47,06 |
|  **Tổng cộng**  | **24.448,4** | **100** |

 *( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực).*

- Các hạng mục đầu tư:

+ San lấp mặt bằng;

+ Đường giao thông nội bộ;

+ Hệ thống thoát nước mưa;

+ Hệ thống thoát nước thải;

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt + Phòng cháy chữa cháy;

+ Khuôn viên cảnh quan cây xanh;

+ Bể xử lý nước thải;

+ Xây dựng các trạm biến áp và cấp điện sinh hoạt;

+ Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông;

(1). San nền

- Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực quy hoạch với các khu vực xung quanh, không làm ảnh hưởng tới hoạt động tiêu, thoát nước hiện có của khu vực. Không chênh lệch cao độ quá lớn với khu dân cư, khu công trình cơ quan, công cộng hiện có.

- Hướng dốc nền của khu đất quy hoạch là về mương thoát nước với độ dốc là i=0÷0.10% đảm bảo thoát nước tự chảy và mối liên hệ hữu cơ giữa nền với các tuyến đường bao quanh khu đất.

- Cao độ nền được thiết kế trên cơ sở cao độ mực nước tính toán của hệ thống thoát nước toàn khu vực và cao độ nền hiện có của khu vực xung quanh, cao độ hiện trạng.

+ Cao độ san nền hoàn thiện cao nhất: + 2,00 m

+ Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất: + 1,88 m

+ Cao độ hiện trạng trung bình: + 0,80 m

+ Cao độ san lấp trung bình: +1,94 m

+ Chiều cao san lấp: 1,14 m

- Tổng khối lượng đắp nền: 27.871,18 m3

***(2). Quy hoạch chia lô***

Toàn khu dân bao gồm 123 lô, trong đó:

- Nhà liền kề có 123 lô: lô nhỏ nhất là 80 m2, lô lớn nhất là 116 m2. Trong đó các lô có diện tích điển hình: Chia lô điển hình diện tích 80 m2 (có chiều dài 16 m, chiều rộng 5 m).

**Bảng 2: Bảng thống kê đất ở chia lô**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại lô** | **Số lô** | **Diện tích** |
| **A** | **Đất ở mới** | **123** | **10.505** |
| **I** | **Đất chia lô nhà ở liền kề** | **123,00** | **10.505** |
| **1** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-1** | **28** | **2.304** |
| 1.1 | Loại 96,0m2 | 4 | 384 |
| 1.2 | Loại 80,0m2 | 24 | 1920 |
| **2** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-2** | **28** | **2.304** |
| 2.1 | Loại 96,0m2 | 4 | 384 |
| 2.2 | Loại 80,0m2 | 24 | 1920 |
| **3** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-3** | **28** | **2.304** |
| 3.1 | Loại 96,0m2 | 4 | 384 |
| 3.2 | Loại 80,0m2 | 24 | 1920 |
| **4** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-4** | **28** | **2.304** |
| 4.1 | Loại 96,0m2 | 4 | 384 |
| 4.2 | Loại 80,0m2 | 24 | 1920 |
| **5** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-5** | **6** | **702,5** |
| 5.1 | Loại 122,5m2 | 1 | 122,5 |
| 5.2 | Loại 116,0m2 | 5 | 580 |
| **6** | **Đất chia lô nhà ở liền kề CL-6** | **5** | **586,5** |
| 6.1 | Loại 122,5m2 | 1 | 122,5 |
| 6.2 | Loại 116,0m2 | 4 | 464 |

 *( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực)*

 (3). Hệ thống giao thông

- Toàn bộ quy hoạch đường giao thông được thiết kế tổng thể hài hòa có định hướng kết nối với trục đường giao thông quy hoạch khu dân cư tập trung giai đoạn tiếp theo. **Bảng 3: Thống kê hệ thống giao thông**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đường** | **Chiều dài (m)** | **Lộ giới (m)** | **Hè +Mặt đường +Hè(m)** |
| 1 | Đường D1 (mở rộng) | 173 | 28 | 3+25+L |
| 2 | Đường D2 | 173 | 13 | 3+7+3 |
| 3 | Đường D3 | 173 | 12 | 3+6+3 |
| 4 | Đường N1 | 111 | 15 | 3+9+3 |
| 5 | Đường N2 | 122,5 | 11 | 2+6+3 |
| 6 | Đường N3 | 122,5 | 11,6 | 3+6+2,6 |

 *( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực).*

 (4). Hệ thống thoát nước:

*\* Hệ thống thoát nước mặt:*

- Hệ thống thoát nước được xây dựng riêng. Hệ thống cống thoát nước mưa được bố trí dọc trên hè thiết kế cống xây với tiết diện cống là B500 và D600, đỉnh cống cách mặt hè trung bình 20cm, đỉnh nắp ga bằng mặt hè, các đoạn qua đường dùng cống hộp BTCT chịu lực B500, các ga thu nước đặt với khoảng cách trung bình 35m-50m, hướng thoát nước của khu đất quy hoạch được thoát ra mương nông nghiệp phía Tây của khu vực quy hoạch rồi dẫn thoát ra mương tưới tiêu phía tây khu đất.

- Cống được thiết kề độ dốc dọc đáy cống 0,2%. + Lớp lót đáy cống, ga đá mạt. Móng cống, hố ga bê tông đổ tại chỗ đá 2x4 mác 150, tường cống, hố ga xây gạch không nung, vữa XM mác 75, trát tường vữa XM mác 75, bê tông mũ tường cống đổ tại chỗ đá 1x2, mác 200; bê tông tấm đan cống đúc sẵn đá 1x2, mác 200.

**BẢNG 4: BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Cống thoát nước mưa qua đường BCL500 | m | 158 |
| 2 | Cống xây thoát nước mưa B500 | m | 688 |
| 3 | Cống thoát nước mưa D600 | m | 28,5 |
| 4 | Ga thu nước | cái | 65 |
| 5 | Cửa xả | cửa | 2 |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực).*

*\* Hệ thống thoát nước thải:*

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong khu đất quy hoạch. Cống thoát nước thải nằm dưới vỉa hè và dọc theo vỉa hè là cống xây B300, các đoạn cống qua đường dùng cống tròn BTCT đường kính D400. Nước thải được thu gom, dẫn thoát về các bể xử lý nước thải được bố trí kềt hợp trong các khu, dải cây xanh tập trung. Sau khi qua bể xử lý đạt tiêu chuẩn, nước được dẫn thoát trực tiếp ra môi trường.

**BẢNG 5: BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Cống tròn xây thoát nước thải B300  | m | 481,5 |
| 2 | Cống tròn thoát nước thải D400  | m | 121 |
| 3 | Ga nước thải | cái | 25 |
| 4 | Bể xử lý nước thải  | Bể | 1 |
| 5 | Cửa xả | Cửa  | 1 |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực)*

(5) Hệ thống cấp nước: - Nguồn nước sạch cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ nhà máy nước sạch Nam Tiến, đấu nối cấp nước cho khu đất với tuyến ống cấp nước sạch D110 trên trục đường TL487.

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch dọc trên hè các trục đường bằng các đường ống D63-D110. Độ sâu đặt ống trung bình 0,7m (tính đến đỉnh ống). Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gối đỡ BTCT.

- Tại các nút của mạng lưới bố trí van khoá để có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên mặt bằng phù hợp với quy định so với các tuyến kỹ thuật ngầm khác.

**BẢNG 6: BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Ống cấp nước HDPE - D110 | m | 437 |
| 2 | Ống cấp nước HDPE – D63 | m | 479 |
| 3 | Trụ cứu hỏa DN 100 | cái | 3 |
| 4 | Cụm hố van đồng hồ | Bộ | 1 |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực)*

( 6). Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng

*\* Hệ thống cấp điện sinh hoạt*

+ Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch lấy từ đường dây trung thế 22kV chạy gần khu vự quy hoach phía Bắc khu đất.

+ Trạm biến áp:

+ Khu vực quy hoạch mới tại phía Nam khu vực quy hoạch: Quy hoạch xây dựng mới trạm biến áp với công suất 400kVA.

+ Hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4kV: Sử dụng cáp điện vặn xoắn cột trồng trên vỉa hè dọc các tuyến đường.

**BẢNG 7: BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN SINH HOẠT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Đường dây 22kv đến TBA  | m | 200 |
| 2 | Trạm biến áp Quy hoạch 400kva | trạm | 1 |
| 3 | Đường điện sinh hoạt cáp VX (4x70) | m | 760 |
| 4 | Đường điện sinh hoạt cáp VX (4x50) | m | 420 |
| 5 | Cột điện ly tâm | Cột | 42 |

 *( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực)*

*\* Hệ thống điện chiếu sáng:*

+ Nguồn điện chiếu sáng lấy từ tủ điện hạ áp của hệ thống điện sinh hoạt.

+ Hệ thống điện chiếu sáng đường giao thông cho khu dân cư được thiết kề lắp chụp cần đèn kềt hợp trên hệ thống cột của tuyến dây hạ thế CVX 0,4kV. Hệ thống đèn cao áp được điều khiển chế độ đóng cắt các bộ đèn bởi tủ điều khiển hệ thống chiếu sáng lắp đặt tại cột điện hạ áp.

**BẢNG 8: BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Tủ điện điều khiển chiếu sáng | tủ | 1 |
| 2 | Đường điện chiếu sáng dây CU/XLPE/PVC 0,6/1kv(4x25) | m | 15 |
| 3 | Đường điện chiếu sáng CU/XLPE/PVC 0,6/1kv(4x16) | m | 1106 |
| 4 | Đèn cao áp | bộ | 30 |
| 5 | Đèn công viên | bộ | 3 |

*( Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Cổ Giả, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực)*

 ***(7). Lán trại công nhân***

Bố trí 01 lán trại có diện tích 100m2 cho công nhân ở tại công trường thi công dự án. Đây là hạng mục chiếm dụng tạm thời và sẽ được tháo dỡ sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

***(8). Vị trí đổ thải***

Theo khoản 1, điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì đất thải từ bóc tách tầng đất mặt phải sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do đó tầng đất mặt bóc tách sẽ được sử dụng để san lấp khu đất cây xanh trong khuôn viên dự án. Phần dư còn lại chủ dự án sẽ làm việc với UBND xã Nam Tiến thống nhất vận chuyển đến khu vực để sử dụng cho mục đích sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo đúng quy định.

***(9). Khu vực tập kết chất thải rắn***

Chất thải rắn sinh hoạt trong khu dân cư tập trung được thu gom bởi đơn vị chức năng. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ ( Kim loại, thuỷ tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ ( Thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào thùng chứa riêng. Chất rắn vô cơ được tận dụng đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi xử lý tại khu xử lý chất thải rắn của xã.

***B. Các hoạt động của dự án:***

*- Giai đoạn thi công xây dựng:*

 + Bóc tách tầng đất mặt.

 + San lấp mặt bằng.

+ Tiến hành thi công hạ tầng kỹ thuật: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống bể xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng,..

*- Giai đoạn dự án đi vào vận hành:*

+ Sau khi giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng xong chủ dự án sẽ tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.

+ Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Nam Tiến quản lý về địa giới hành chính và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,…các công việc này được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

\* Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường dự án yếu tố nhạy cảm là có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 20.948,1 m2.

## **5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường**.

Bảng 4: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn hoạt động** | **Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án** | **Cách thức thực hiện** | **Các tác động xấu đến môi trường** |
| Giai đoạn chuẩn bị | - Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án. Thiết kế, thẩm định, phê duyệt dự án.- Công tác giải phóng mặt bằng chi trả tiền đền bù. Hoàn thiện thủ tục xin giao đất. | - Lập dự án đầu tư.-Lập và trình phê duyệt thuyết minh dự án.- Lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM.- Hoàn thiện thủ tục giấy tờ, tổ chức họp dân chi trả tiền đền bù. | Không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực. |
| Giai đoạn xây dựng | - Hoạt động bóc tách tầng đất mặt.- San lấp mặt bằng.- Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị.- Xây dựng các hạng mục công trình: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng vv,… | - Bóc tách tầng đất mặt.- Bơm, đổ cát vào khu vực dự án.- Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động. | - Bụi, khí thải.- Nước thải sinh hoạt.- Chất thải rắn.- CTNH.- Tiếng ồn.- Các vấn đề xã hội khác. |
| Giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng | - Chủ dự án tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.- Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Nam Tiến quản lý và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,…các công việc này được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước. | - Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư. | - Chất thải rắn và CTNH.- Bụi, khí thải.- Nước thải.- Tiếng ồn. |

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.**

### ***5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án***

 *\* Bụi và khí thải:*

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, san lấp mặt bằng, hoạt động bốc dỡ, đảo trộn, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,…

- Khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: khí SO2, COx, NOx, Hydrocacbon...

+ Khí thải phát sinh do quá trình rải và phun nhựa đườngvới thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Hơi dầu, hắc ín, CO, H2S...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH4, NH3, H2S,...

*\* Nước thải:*

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công,..

Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát xây dựng, dầu mỡ. Lượng phát sinh khoảng 1 m3/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 60 người, lưu lượng nước thải sinh hoạt tính theo cơ sở định mức nước cấp cho sinh hoạt và số lượng công nhân, lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân lao động khoảng 60l/người nên lượng nước thải phát sinh của công nhân là: 60x60l/ngày= 3,6m3/ngày (Theo TCXDVN 33:2006). Thành phần ô nhiễm chính là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD5, COD), các chất dinh dưỡng (NO3-­­, PO43-) và các vi sinh vật gây bệnh.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của khoảng 60 công nhân tham gia thi công chủ yếu là giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...khoảng 60\*0.4= 24 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng thông thường. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốt pha,...

- Khối lượng đất lúa bề mặt được bóc tách khoảng 12.500 m2

- Chất thải nguy hại: Bao gồm dầu mỡ rơi vãi, các giẻ lau dính dầu mỡ, lượng dầu mỡ thải từ các thiết bị, máy móc tham gia thi công, sơn thải, que hàn thải,... khoảng 4.8 kg/giai đoạn xây dựng.

 *\* Tiếng ồn, độ rung:*

- Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,...quá trình trộn bê tông.

Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

*\* Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

### ***5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án***

*\* Bụi và khí thải:*

- Từ hoạt động nấu ăn: Khi đốt cháy khí gas sản sinh ra NOx, SO2, CO có nồng độ thấp.

- Từ các hoạt động giao thông vận tải: Khí thải phát sinh có thành phần chính bao gồm: NOx, SO2, COx, hyđrocacbon,…

- Từ khu lưu giữ chất thải, khu xử lý nước thải tập trung: Thành phần hơi mùi, khí thải gồm CH4, NH3, H2S,...phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải, nước thải.

*\* Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân khu dân cư: 492\*100l/người/ngày=49,2 m3. Thành phần chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ như: COD, BOD5, Nitơ, phốt pho, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao và một số loại vi sinh vật.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

 - Chất thải rắn sinh hoạt của cư dân khu dân cư khoảng:

 492 x 0,8= 393,6 kg/ngày. Rác thải công cộng khoảng 39,4 kg/ngày. Thành phần gồm rác thải hữu cơ và vô cơ.

- Chất thải thông thường: Phát sinh bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải tập trung với khối lượng 1,43 kg/ngày – 514,8 kg/năm.

 - Chất thải nguy hại khoảng 0,5 kg/ngày. Thành phần CTNH chủ yếu gồm: Pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải, đồ điện tử hỏng,...

 *\* Tiếng ồn, độ rung:*

- Nguồn gây tiếng ồn và độ rung chủ yếu từ hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận.

*\* Các tác động khác:*

- Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Cháy nổ, do công trình xuống cấp, thiên tai, sự cố,..

## **5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:**

### **5*.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải***

- Nước thải của dự án được xử lý qua hệ thống bể phốt, ga thu trước khi thoát vào tuyến cống thoát nước chung của khu vực.

- Nguyên tắc của bể là ngăn chứa – ngăn yếm khí – ngăn lắng cặn – ngăn khử trùng – ngăn lọc. Hiệu quả xử lý đạt hàm lượng chất lơ lửng 65-70% và BOD5 đạt 60-65% - đạt tiêu chuẩn nguồn loại B, có thể bơm trực tiếp ra cống thoát nước khu vực.

### ***5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH***

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn thông thường. Đơn vị thu gom sẽ bố trí các xe đẩy tay đi thu gom từ các hộ gia đình. Các hộ sử dụng túi thu gom CTR để vận chuyển lên xe chuyên dụng, không được phép xả rác ra vỉa hè. Trong khuôn viên cây xanh sẽ bố trí các thùng rác công cộng nhỏ có nắp đậy đúng quy cách để thu gom rác, công nhân thu gom sẽ thu rác từ các thùng này để vận chuyển đến cơ sở xử lý CTR.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại: UBND xã Nam Tiến sẽ đưa ra các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại rác tại nguồn (để thu gom riêng). Trong trường hợp chất thải nguy hại lẫn với chất thải rắn thông thường, thì đội thu gom rác của Đơn vị chức năng sẽ tiến hành phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

### ***5.4.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác***

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

*- Sự cố cháy nổ, chập điện*

+ Trong các khu nhà, cháy nổ có thể do mạng lưới cung cấp và truyền dẫn điện, do bất cẩn, do rò rỉ khí gas. Để đảm bảo an toàn các khu nhà sẽ có hệ thống PCCC riêng, khu nhà ở sẽ bố trí các họng cứu hoả D100mm tại các góc chuyển, các ngã tư, ngã ba. Khoảng cách giữa các họng cứu hoả ≤ 150 m theo yêu cầu tiêu chuẩn.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư tập trung. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được cơ quan chức năng kiểm tra, chấp thuận.

+ Mặt bằng được bố trí bảo đảm các tiêu chuẩn phòng chống cháy. Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ hợp lý tuân theo các quy định, đảm bảo thoát người và tài sản ra khỏi khu vực nhanh chóng.

+ Các trụ và họng cứu hỏa lấy nước từ hệ thống cấp nước sinh hoạt, vị trí được bố trí đều và thuận tiện về mặt giao thông với khoảng cách từ 150 đến 180m. Mạng lưới cấp nước có áp lực cao, đủ lưu lượng.

+ Tuyên truyền cho các hộ gia đình chỉ sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt khi dã được kiểm định như máy nén khí, bình chứa gas, thang máy,...

+ Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như: Khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các đường điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp địa thật an toàn.

+ Khi phát hiện rò, rỉ khí gas cần thực hiện nhứng biện pháp xử lý sau: Tuyệt đối không làm phát sinh tia lửa như: Bật/tắt công tắc điện, quạt điện, sử dụng điện thoại di động. Ngay lập tức khóa van cấp gas, mở thông thoáng các cửa, dùng quạt thủ công để làm phát tán khí gas. Nếu thấy chỗ rò, rỉ thì dùng vải ướt quấn quanh chỗ rò, rỉ hoặc dùng xà phòng bánh để bịt lỗ rò, rỉ tạm thời. Nếu xảy ra sự cố khi đang sử dụng phải dùng chăn ướt phủ lên bếp hoặc bình cho tắt lửa hoặc dùng bình chữa cháy phun dập tắt đám cháy, báo ngay cho nhà cung cấp đến xử lý.

+ Hàng năm tổ chức tập huấn và diễn tập phương án PCCC trong khu dân cư.

*- Sự cố tai nạn giao thông*

+ Quy định tốc độ xe ra vào khu dân cư.

+ Phân luồng các đường nơi có mật độ giao thông lớn thành hai làn đường tránh tình trạng tắc nghẽn.

*- Sự cố thiên tai*

 Để hạn chế thiệt hại do bão lũ có thể gây ra, UBND xã Nam Tiến sẽ phối hợp với tổ trưởng của các khu dân cư (Do dân bầu) lên kế hoạch phòng chống như sau:

+ Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.

+ Kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng: Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, các hạng mục công trình; khơi thông cống rãnh,...

+ Định kỳ nạo vét bùn cặn, rác thải trong hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước được khơi thông không bị ách tắc trước mỗi mùa mưa bão.

+ Thành lập ban phòng chống lũ lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Nếu phát hiện hiện tượng bất thường xảy ra nhanh chóng báo với chính quyền địa phương để có phương án giải quyết kịp thời.

*- Biện pháp phòng, chống sét:*

+ Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong khu dân cư, các trạm biến áp,…

+ Yêu cầu các hộ gia đình, hộ kinh doanh đến sinh sống và làm việc trong khu dân cư phải xây dựng hệ thống chống sét.

*- Sự cố hệ thống xử lý nước thải*

+ Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của hệ thống bể xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.

+ Vận hành thường xuyên hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất.

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

+ Hóa chất sử dụng đúng tỷ lệ quy định.

+ Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

+ Khi hệ thống bể xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, UBND xã sẽ cử cán bộ tiến hành kiểm tra hệ thống bể xử lý nước thải, tìm nguyên nhân có biện pháp khắc phục kịp thời. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép.

*- Sự cố ngập úng*

Trường hợp mưa lớn kéo dài dẫn đến hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư không tiêu thoát kịp gây ứ đọng, ngập úng cục bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế UBND xã sẽ có những biện pháp cụ thể như sau:

+ Khi có dự báo mưa to đến mưa rất to Ban phòng chống lụt, bão của UBND xã sẽ phối phối hợp với người dân trong khu dân cư xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến người dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.

+ Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn, tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

+ Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công trình cho người dân.

+ Bố trí máy bơm nước để hỗ trợ việc tiêu thoát nước cho khu vực bị ngập úng ngay khi hết mưa.

+ Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.

+ Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

+ Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

## **5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

*a. Giai đoạn xây dựng*

*\* Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 2 vị trí ưu tiên vị trí cuối hướng gió, gần khu dân cư phía Đông và phía Bắc của dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm) (Trong quá trình xây dựng).

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*b. Giai đoạn vận hành*

*\* Giám sát nước thải:*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại vị trí xử lý cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống bể xử lý (55 m3/ngày đêm), Ph, BOD5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni (tính theo N), nitrat, phốt phat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất, quan trắc giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).

 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng K = 1 do khu dân cư có 123 hộ>50 hộ).

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

 *\* Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, tập kết tạm thời CTR.

 - Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR, biện pháp phân loại, thu gom CTR,...

 - Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

## **1. Kết luận.**

Việc đầu tư xây dựng dự án Xây dựng khu dân cư tập trung thôn An Cổ, xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khoẻ của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn,...đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

## **2. Kiến nghị.**

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

## **3. Cam kết của chủ dự án đầu tư**

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là chính xác, đúng sự thật.

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

 - Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

 - Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải theo quy chuẩn đã quy định.

- Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng.

 - Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi.